



DOANH NGHIỆP KHAI KHOÁNG CẢM ỨNG VI T NAM VÀ TÍNH MINH BẠCH

Đu Anh Tuấn
Trưởng Ban, Ban Pháp chế
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Tọa đàm "EITI - Chỉ thị về môi trường tốt và nâng cao hiệu quả thu ngân sách"
Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2015

Nội dung trình bày

- Tổng quan về hoạt động của doanh nghiệp khai khoáng
- Cam kết của doanh nghiệp khai khoáng về tính minh bạch của môi trường kinh doanh.
- Một số kiến nghị

Tình quan v h o t ã ng c a doanh nghi p khai khoáng

Nguồn: VCCI và USAID, D li u Kh o sát Ch s N ng l c c nh tranh c p t nh n m 2009-2013

K t qu s n xu t kinh doanh c a DNKK

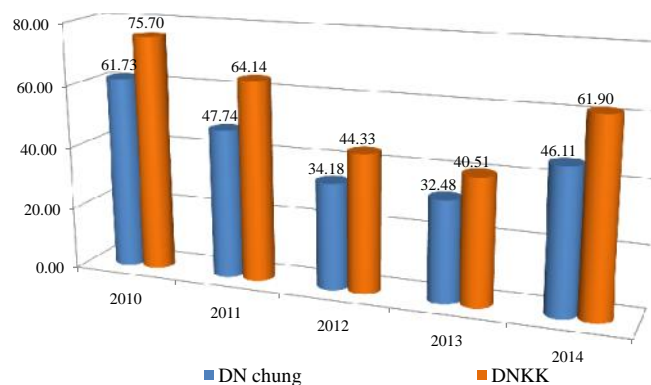
T 1 các DNKK có lãi ã gi m và t 1 DNKK b thua l ã t ng t n m 2006 n n m 2011

N m	Doanh nghi p có lãi			Doanh nghi p l			So v i t ã ng s DN (%)	
	S doanh nghi p	T ã ng m c lãi (T ã ng)	Lãi bình quân 1 DN (Tri u ã ng)	S doanh nghi p	T ã ng m c l (T ã ng)	L ã ng bình quân 1 DN (Tri u ã ng)	S DN lãi	S DN l
2006	841	64900	77170,4	209	-156,7	-749,6	75,83	18,85
2007	1029	60965	59247,3	279	-81,0	-290,4	73,71	19,99
2008	1479	75334	50935,8	329	-136,0	-413,3	77,35	17,21
2009	1303	78499	60244,5	681	-1389,2	-2039,9	59,47	31,08
2010	1518	82222	54164,4	502	-1168,8	-2328,3	68,26	22,57
2011	1440	53589	37214,6	903	-5445,8	-6030,7	56,58	35,48

Nguồn, T ã ng c Th ã ng kê, S ã phát tri ã n c a Doanh nghi p Vi t Nam giai o ã n 2006-2011, NXB Th ã ng kê, Hà N i, n m 2013

Tri n v ng kinh doanh 2 n m t i (%)

M c dù có k t qu s n xu t kinh doanh còn g p nhi u khó kh n, nh ng các DNKK d ng nh l c quan h n các doanh nghi p nói chung.



Nguồn: VCCI và USAID, D li u Kh o sát Ch s N ng l c c nh tranh c p t nh n m 2010-2014

óng góp c a DNKK vào ngân sách

DNKK có s thu và các kho n n p ngân sách cao. Xét trong toàn b t ng quan chung n m 2011, các DNKK ch chỉ m 0,78% t ng s doanh nghi p ã óng góp 15,9% t ng s thu và các kho n ã n p ngân sách nhà n c.

N m	Thu và các kho n phát sinh ph i n p trong n m		Thu và các kho n ã n p trong n m
	T ng s	Trong ó: Thu tiêu th	
2006	59252,0	2723,5	59008,9
2007	41851,3	3026,5	40137,3
2008	72798,9	12058,7	72396,7
2009	69775,5	58424,9	69439,7
2010	38193,5	12450,1	35714,8
2011	83735,9	17267,6	81928,0

Nguồn: T ng c c Th ng kê, S phát tri n c a Doanh nghi p Vi t Nam giai o n 2006-2011, NXB Th ng kê, Hà N i, n m 2013.

Giới quy t vi c làm cho ng i lao ng

Ngành công nghi p khai khoáng ã t o vi c làm cho 0,5% lao
ng trong t ng s lao ng có vi c làm n m 2013

Ngành kinh tế	Tổng số	Nam	Nữ	% Nữ
Tổng số	100,0	100,0	100,0	48,6
A. Nông, lâm, thủy sản	46,8	45,0	48,8	50,7
B. Khai khoáng	0,5	0,8	0,2	18,9
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	14,0	12,8	15,2	53,0
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hoà không khí	0,3	0,4	0,1	17,7
E. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	0,2	0,2	0,2	43,1
F. Xây dựng	6,2	10,9	1,3	9,9
G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12,5	10,3	14,9	57,6
H. Vận tải kho bãi	2,9	5,1	0,5	9,2
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4,2	2,4	6,2	71,0
J. Thông tin và truyền thông	0,5	0,6	0,4	36,1
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	0,6	0,6	0,7	54,0
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	0,3	0,3	0,3	47,5
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	0,5	0,6	0,3	31,1
.....				

Nguồn: T ng c c Th ng kê, Báo cáo i u tra Lao ng vi c làm n m 2013

m b o thu nh p cho ng i lao ng

Theo s li u T ng c c Th ng kê công b n m 2014, tỉ n l ng
bình quân tháng n m 2013 c a lao ng trong ngành khai khoáng
khá cao so v i m c bình quân chung, c th :

- Tỉ n l ng bình quân tháng c a lao ng trong ngành khai khoáng là 5,7 tri u ng cao h n m c chung là 4,1 tri u ng.
- Tính trong toàn b các ngành kinh t , tỉ n l ng bình quân tháng c a lao ng trong ngành khai khoáng ng th 6, sau các ngành Ho t ng c a các t ch c và c quan qu c t , Ho t ng tài chính, ngân hàng và b o hi m, Ho t ng chuyên môn, khoa h c và công ngh , Ho t ng kinh doanh b t ng s n và Thông tin và truy n thông.

Tỉ lệ tăng bình quân/tháng của lao động ngành khai khoáng năm 2013

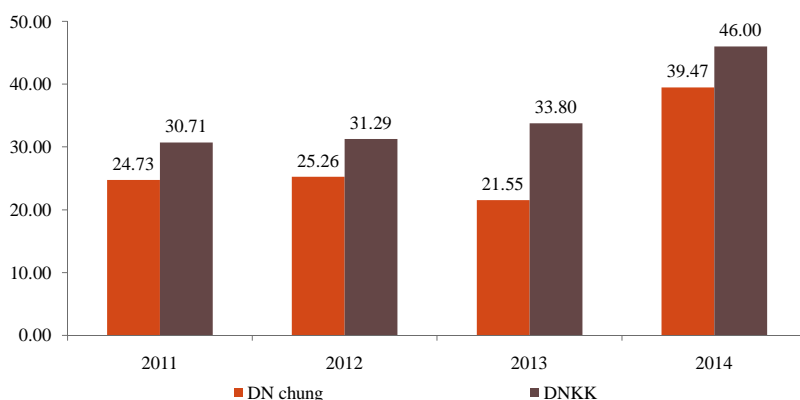
STT	Ngành kinh tế	Tỉ lệ tăng bình quân tháng		
		Tổng	Nam	N
1	U. Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế (*)	11229	16751	7616
2	K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7230	7174	7278
3	M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	6532	6451	6682
4	L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	6395	6587	6058
5	J. Thông tin và truyền thông	6262	6558	5736
6	B. Khai khoáng	5709	5896	4838
7	D. SX và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và sưởi ấm không khí	5635	5683	5384
8	H. Vận tải kho bãi	5184	5213	4999
9	P. Giáo dục và đào tạo	5000	5425	4828
10	Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	5000	5483	4763
11	N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	4794	4746	4897
12	O. Hoạt động của CS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP, BHXH bắt buộc	4638	4826	4114
		

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo đầu tư Lào ngành vì công nhân năm 2013

DNKK và tác động môi trường

Chỉ số môi trường là chỉ số DNKK là nhóm doanh nghiệp chủ yếu chịu tác động môi trường.

Vấn đề môi trường gì có gây thiệt hại kinh tế cho DN không?

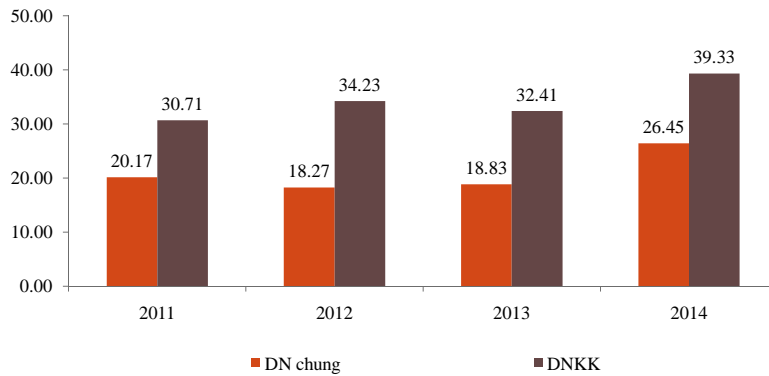


Nguồn: VCCI và USAID, Điều tra Khảo sát Chất lượng các doanh nghiệp 2011-2014

DNKK và tác động tới ô nhiễm môi trường

Năm 2013 có tới 32% DNKK cho biết có doanh nghiệp trong tỉnh bị phạt do vi phạm các quy định về môi trường, cao hơn đáng kể so với 19% của các doanh nghiệp nói chung

DN trong tỉnh bị phạt do vi phạm các quy định về môi trường?



Nguồn: VCCI và USAID, Dữ liệu Khảo sát Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2011-2014

DNKK & Trách nhiệm xã hội



- Nộp ngân sách cao
- Tỷ lệ ô nhiễm và các làm việc môi trường khá cao

- Trách nhiệm xã hội và việc làm của DNKK còn phiến diện.
- Tỷ lệ DN bị xử phạt về môi trường còn cao

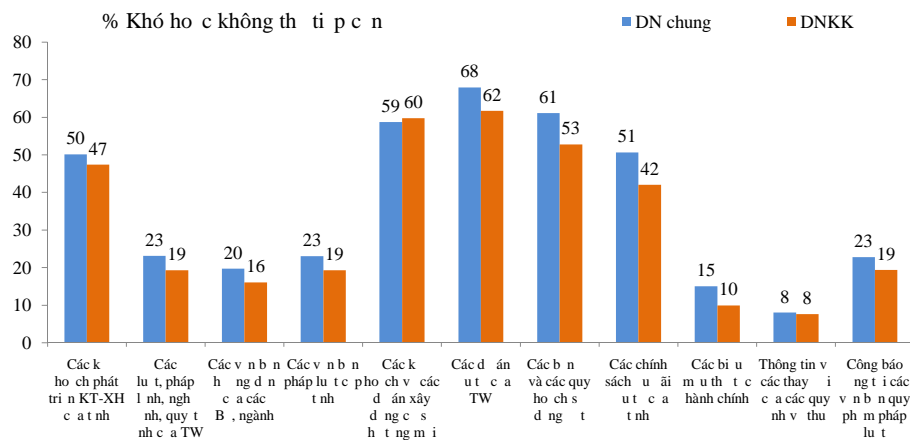


Cảm nhận của DNKK về tính minh bạch của môi trường kinh doanh

Nguồn: VCCI và USAID, Dữ liệu Khảo sát Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2010-2014

Tính minh bạch trong tiếp cận thông tin

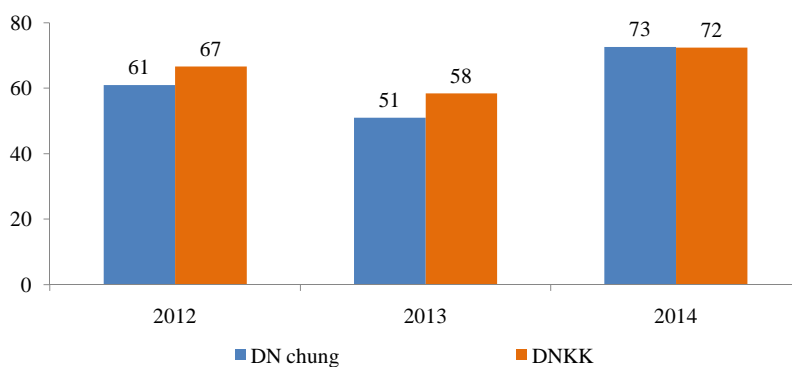
Khả năng tiếp cận thông tin, tài liệu của DNKK còn khó khăn, đặc biệt trong các lĩnh vực như: luật, pháp chế, chính sách thuế, đầu tư, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương.



Tính minh bạch trong tiếp cận thông tin

Tiếp cận thông tin khó khăn nhất về y bu c các DN ph i nh c y t i m i quan h v i c n b các c quan nhà n c.

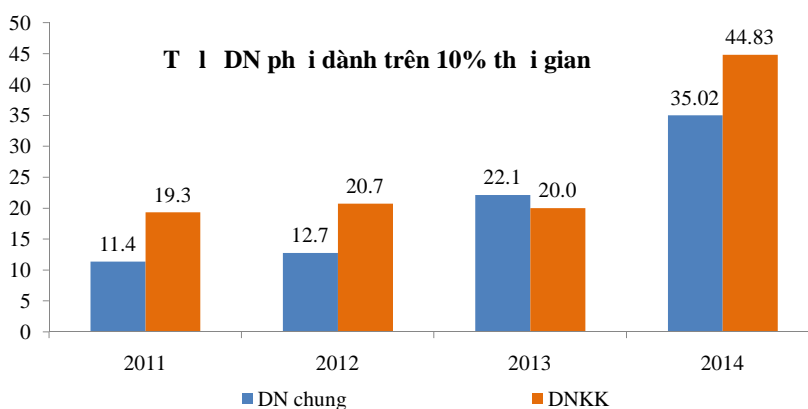
C n m i quan h v i c quan nhà n c tiếp c n thông tin, tài li u

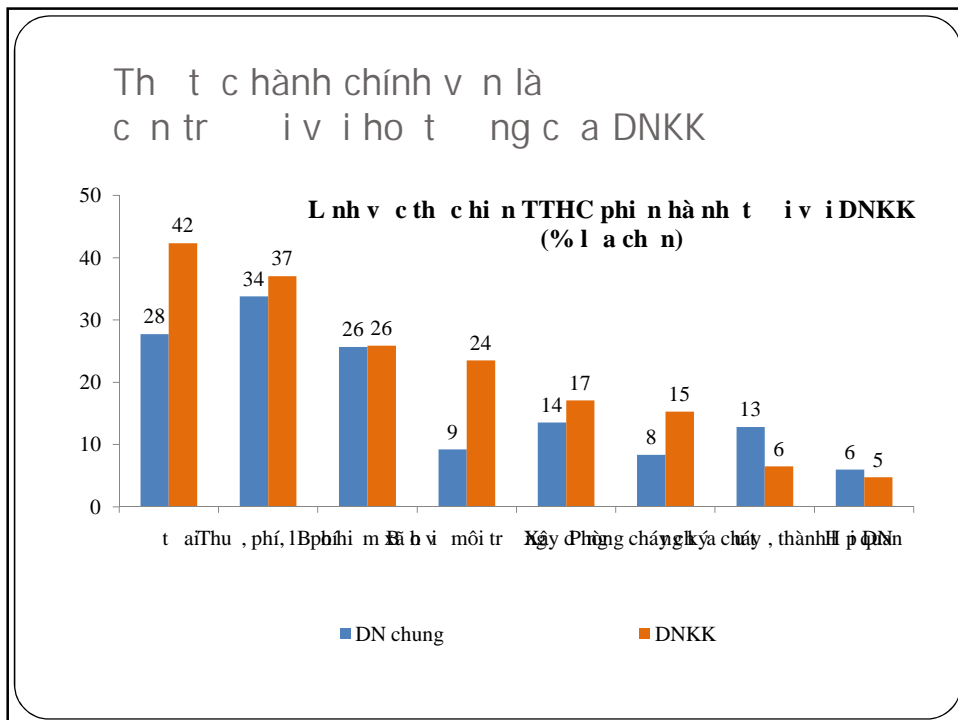
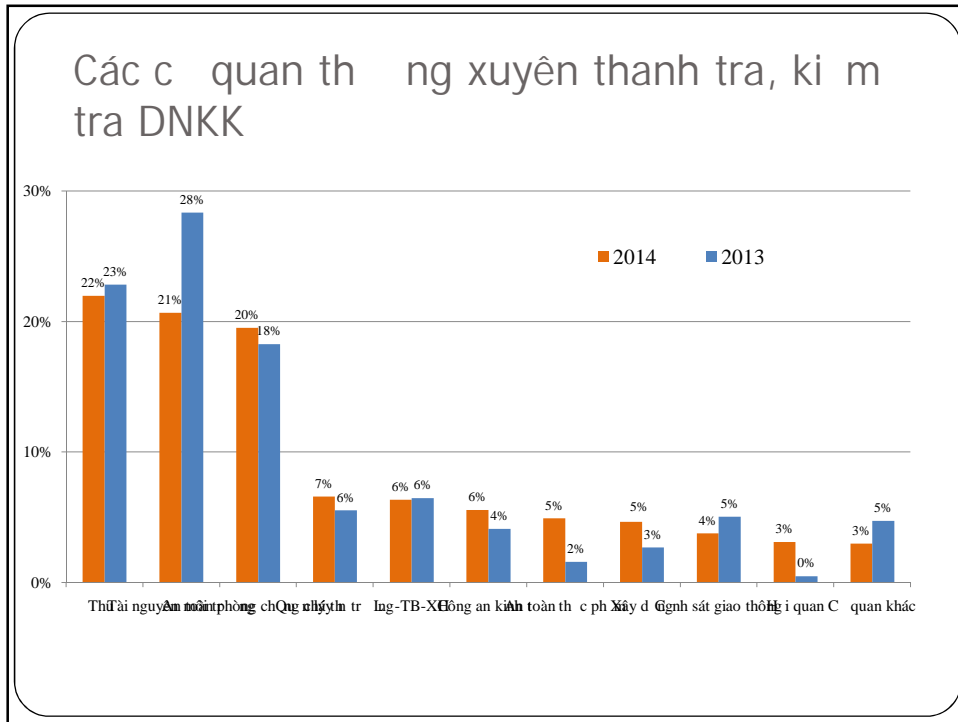


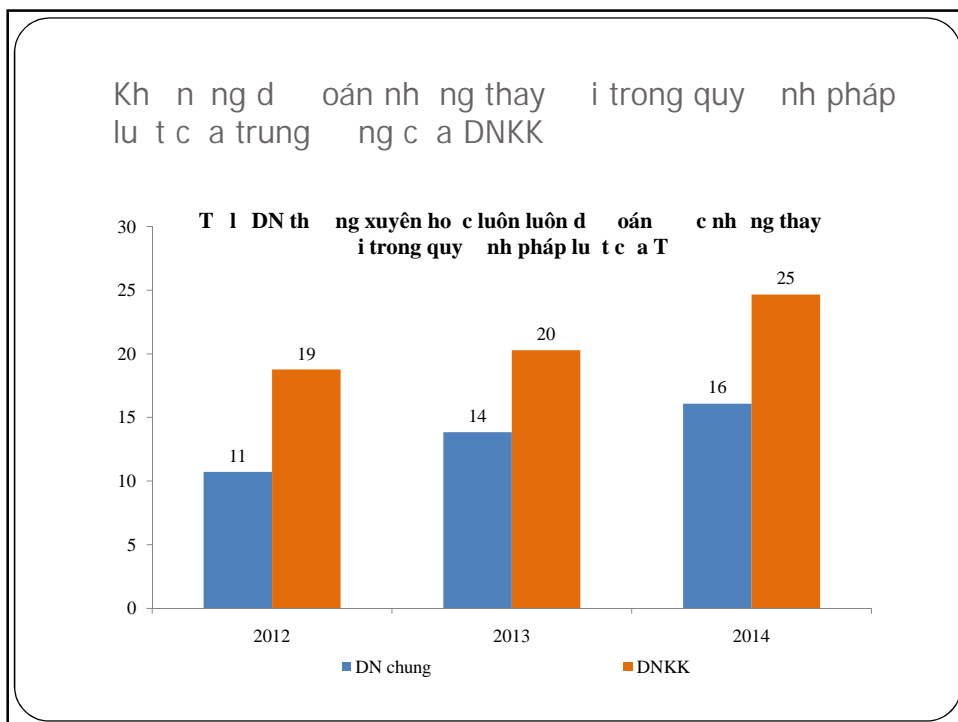
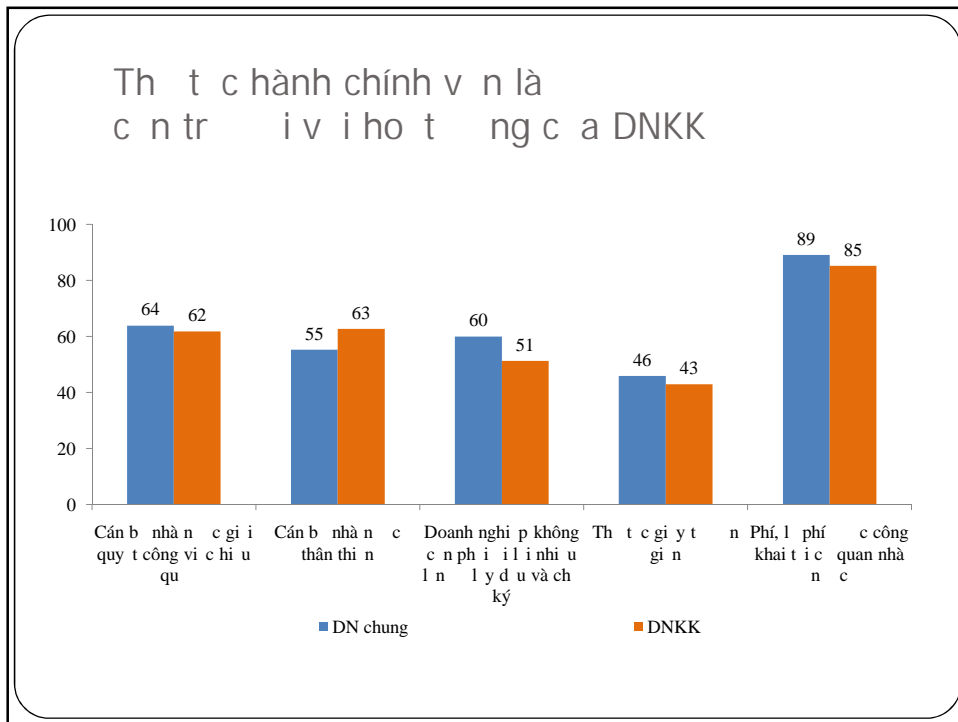
Chi phí thời gian tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật

Kh o sát n m 2014 cho th y có t i 44,83% các DNKK cho bi t ph i dành trên 10% qu th i gian tìm hi u và th c hi n các quy nh pháp lu t, t l này cao h n m c chung c t t c các ngành (35,02%), và t ng m nh so v i n m 2013 (20%).

T l DN ph i dành trên 10% th i gian



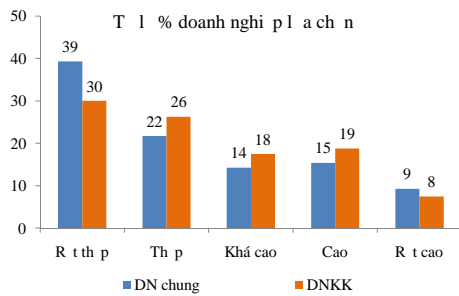




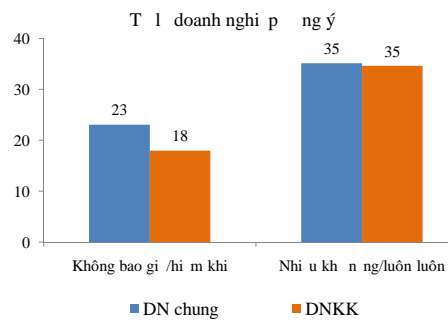
Tiếp cận tài và kỹ năng nhân lực của DNKK

Tỉ lệ các DNKK có Giấy chứng nhận quy chuẩn kỹ thuật (GCNQSD) cao so với mức chung (Theo điều tra PCI 2014, có khoảng 48,77% DNKK có GCNQSD, trong khi tỉ lệ ở các doanh nghiệp nói chung thì chỉ là 43,73%). Tuy nhiên, các DNKK đang có mức nhân lực rơi vào mức thấp.

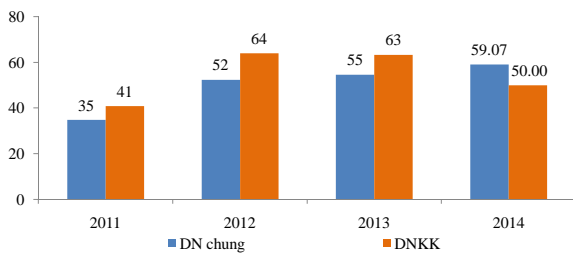
Đánh giá về tính nhân lực của mức độ sản xuất kinh doanh



Bình đẳng trong tiếp cận nguồn nhân lực

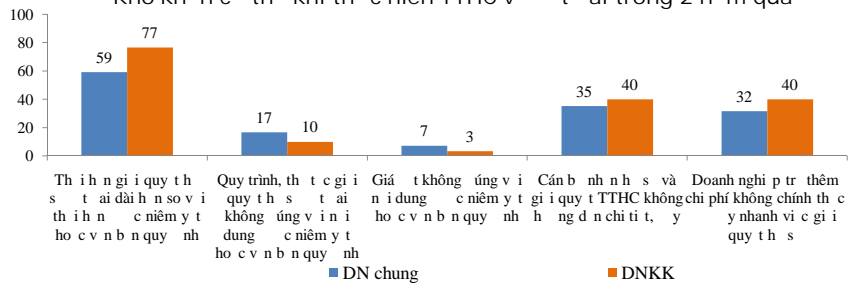


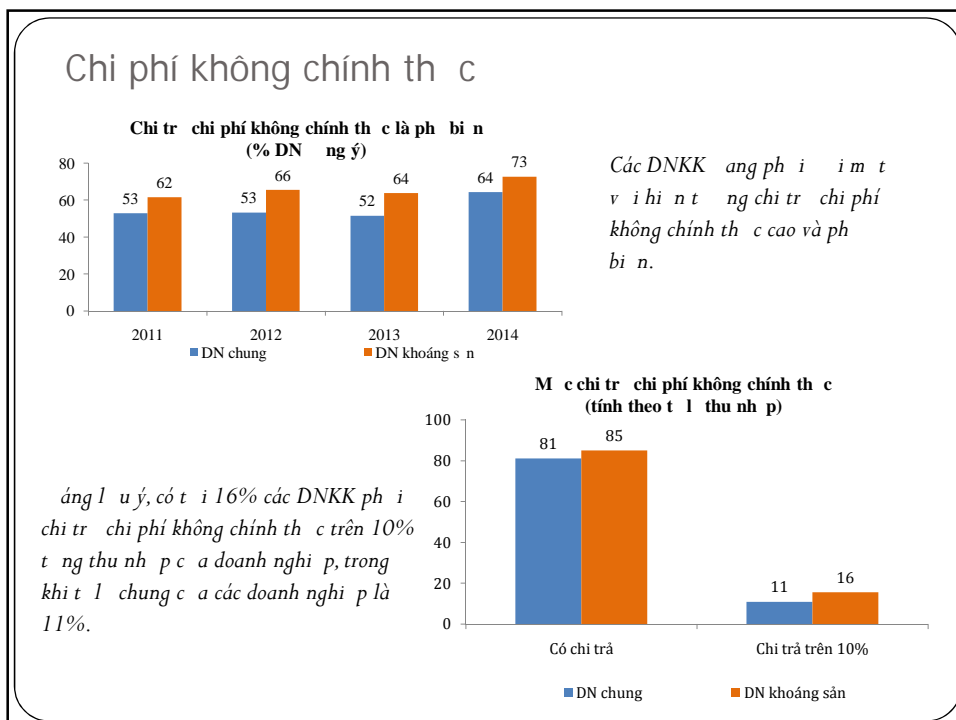
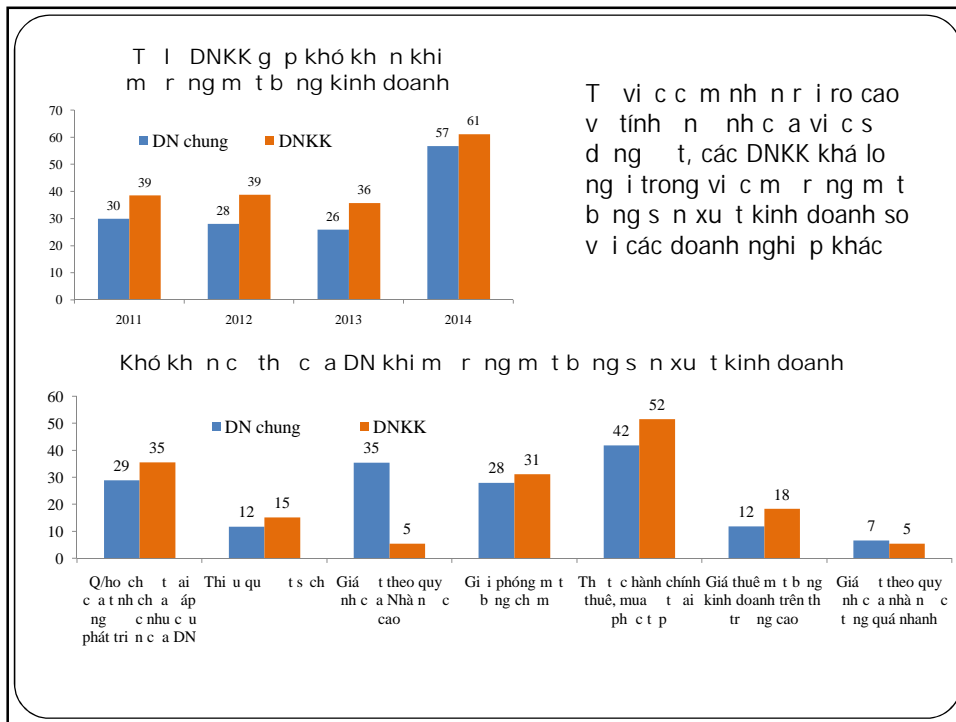
Tỉ lệ DN gặp khó khăn khi thực hiện TTHC vượt trội trong 2 năm qua (%)



Mức dù còn nhiều khó khăn trong thực hiện TTHC vượt trội tại những các DNKK cho biết đã cố gắng đầu tư chuyên môn tích cực trong việc thực hiện TTHC này.

Khó khăn nhất khi thực hiện TTHC vượt trội trong 2 năm qua





Kết luận và kiến nghị

Cảm nhận chung của DNKK

- 1. Khó tiếp cận thông tin từ cơ quan nhà nước, trong khi nhu cầu thông tin của DNKK cao
- 2. DNKK còn mất nhiều thời gian tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật
- 3. DNKK đánh giá thấp sự nỗ lực trong sử dụng tài năng và sáng tạo của nhân viên trong thực hiện các TTHC và T.ái
- 4. Các DNKK đang phải chi trả nhiều chi phí không chính thức cao và phức tạp

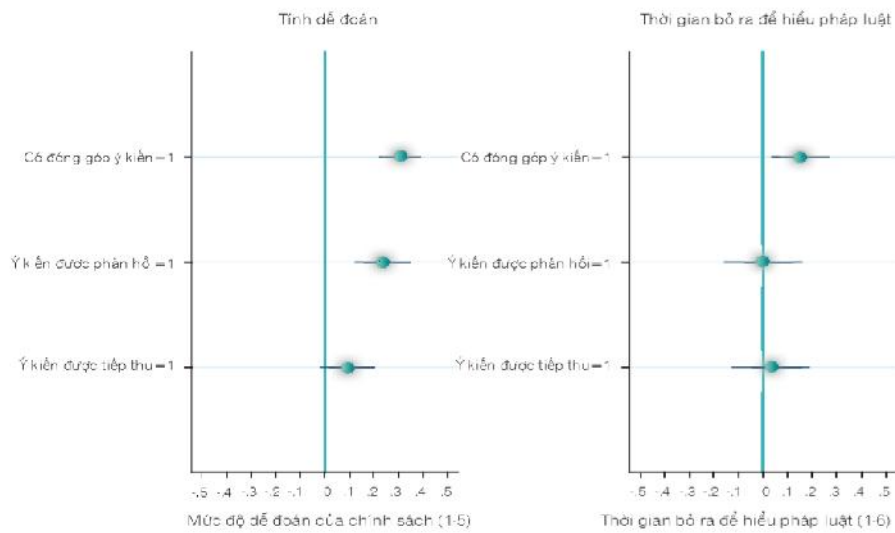
Một số khó khăn khác qua phản ánh của doanh nghiệp

- Thứ tự tính hành ảnh hưởng môi trường (TM) nhiều khi mang tính hình thức mà chưa thực chất
- Thi thuế phí hàng hóa các cơ quan tài chính, thuế, môi trường, khoáng sản...
- Cấp độ và phạm vi môi trường trong khai thác khoáng sản: vẫn thiếu hướng dẫn kỹ thuật về cấp độ, phạm vi môi trường cho từng loại hình khai thác khoáng sản
- Thứ tự hành chính rút kinh nghiệm mà chưa tận dụng ký qu pháp phạm môi trường pháp → nhiều doanh nghiệp không thực hiện cấp độ, phạm vi môi trường nhằm cam kết và công không lý lý nghiệm ký qu.

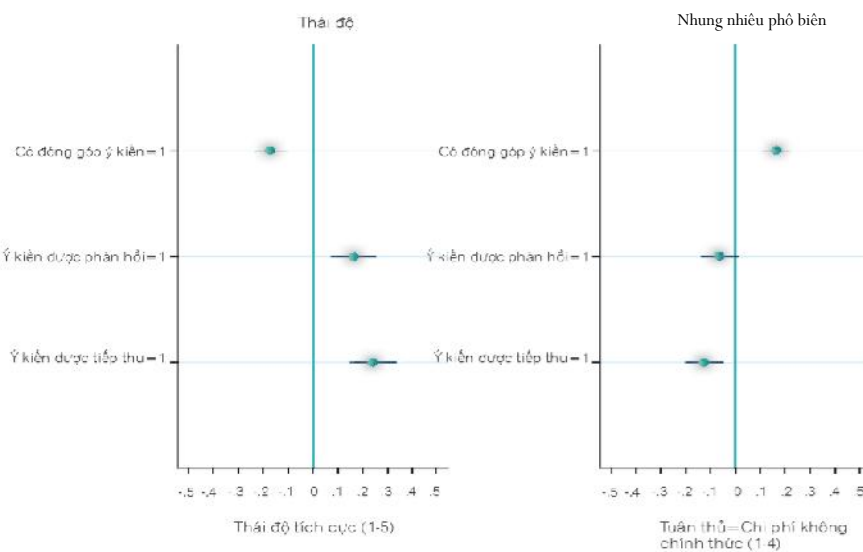
Kiểm nghị

- Minh bạch: Các thông tin liên quan đến cấp phép, thuế, giá, các khoản đóng góp ngân sách của doanh nghiệp và vận hành sản xuất; công khai và kịp thời các quy định, quy hoạch, kế hoạch
- Đơn giản hóa chính sách: Công nghệ duy trì tính đơn giản chính sách. Có biện pháp kiểm soát hợp lý chi phí thuế để tránh tăng quá nhanh, đột ngột.
- Đơn giản hóa TTHC: Tiếp tục đơn giản hóa các TTHC trong lĩnh vực tài chính mở thu nhập cho DN và nhà đầu tư trong việc tiếp cận và sản xuất. Đơn giản hóa DTM
- Phối hợp liên ngành: Các thủ tục hành chính cần tăng cường phối hợp liên ngành, các cơ quan phối hợp phù hợp.

Chỉ số: Tổng số doanh nghiệp và người dân khi ban hành và trong khi thực thi chính sách



Mối quan hệ giữa phản hồi ý kiến góp ý của DN và cảm nhận của DN về chính quyền



TRÂN TR ỜNG C ỜM ỜN!

M ời thông tin xin liên h ệ :

u Anh Tu ờn

Địa chỉ : Ban Pháp chế , VCCI, 9 ường Đào Duy Anh, ường ả, Hà N ội

Số điện thoại : 04.3574 2021

Email: tuanda@vcci.com.vn